

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bán án số: 22/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 10- 4-2018

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Hoàng Chân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Mỹ

2. Bà Chung Kim Sang

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

Ngày 10 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2018/TLST-HNGĐ ngày 08/02/2018, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12/3/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Huỳnh N (tên thường gọi là M)**, sinh năm 1994 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 33/4 đường D, phường V, Tp G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 44/2 đường S, phường V, Tp G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 24 tháng 01 năm 2018, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn Trần Thị Huỳnh N trình bày: Bà N và ông P tự tìm hiểu yêu thương nhau được 01 năm và tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào ngày 09/5/2014 (âm lịch), có đăng ký kết hôn tại UBND phường V, thành phố G và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 06/6/2014.

Lý do ly hôn: Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, được một thời gian thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung, bất đồng ý kiến, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, nhiều lần cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả, vợ chồng ly thân từ tháng 6/2017 cho đến nay. Xét thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà N xác nhận vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên

Nguyễn Phúc A, sinh ngày 27/02/2015. Bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Bà N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Bị đơn ông Nguyễn Văn P** vắng mặt không rõ lý do, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho ông P theo thủ tục tố tụng nhưng ông P đã vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay bà Trần Thị Huỳnh N có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Bị đơn Nguyễn Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do. Xét thấy việc vắng mặt liên tục không có lý do chính đáng của bị đơn, nhằm gây khó khăn cho nguyên đơn, kéo dài việc giải quyết vụ án. Sau khi thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông P tự tìm hiểu yêu thương nhau được 01 năm và tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào ngày 09/5/2014 (âm lịch), có đăng ký kết hôn tại UBND phường V, thành phố G và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 06/6/2014 là phù hợp theo quy định pháp luật được quy định tại Điều 11 Bộ luật hôn nhân gia đình năm 2000.

[3] Tại phiên Tòa hôm nay bà N trình bày: Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, ông P thường xuyên cờ bạc và nhậu, khi nhậu say về thì thường hành hung bà N, ông P không tôn trọng gia đình bên vợ, vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng ý kiến, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, nhiều lần cố gắng khắc phục hàng gần nhưng không có kết quả. Vợ chồng bà N ly thân từ tháng 6/2017 cho đến nay. Xét thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông P, xét thấy cần áp dụng Điều 89 và Điều 91 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N xin ly hôn với ông P.

- Về con chung: Bà N xác nhận vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Nguyễn Phúc A, sinh ngày 27/02/2015. Bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu A ở chung với bà N từ nhỏ cho đến nay và được bà N chăm sóc chu đáo và thu nhập của bà N mỗi tháng 5.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử quyết định giao cho bà N được tiếp tục nuôi dưỡng cháu A cho đến khi trưởng thành. Bà N không yêu cầu ông P cấp dưỡng

nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

-Về tài sản chung và nợ chung: Bà N xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này ông P có tranh chấp về vấn đề nợ và tài sản chung thì ông P có quyền khởi kiện thành một vụ kiện khác.

Về án phí: Bà Trần Thị Huỳnh N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà N được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai thu số 0003836 ngày 07/02/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn ông Nguyễn Văn P không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28; 147; 227; 266; 267; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Căn cứ Điều 11; 89; 91, 92, 93, 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;
- Căn cứ Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Thị Huỳnh N được ly hôn với ông Nguyễn Văn P.

2. Về con chung: Giao cho bà Trần Thị Huỳnh N tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Phúc A, sinh ngày 27/02/2015 cho đến khi trưởng thành. Bà N không yêu cầu ông P không cấp dưỡng nuôi con.

Bà N và các thành viên trong gia đình không có quyền ngăn cản việc ông P đến thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Huỳnh N xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này ông P có tranh chấp về vấn đề nợ và tài sản chung thì ông P có quyền khởi kiện thành một vụ kiện khác.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Huỳnh N tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà N được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai thu số 0003836 ngày 07/02/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn ông Nguyễn Văn P không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nếu đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đ/sự;
- VKS Tp Rạch Giá;
- TA tỉnh;
- THA Tp Rạch Giá;
- UBND phường V;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Trương Hoàng Chân